|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH QUẢNG NAM** | **KỲ THI HỌC SINH GIỎI THPT CHUYÊN**  **VÀ CHỌN ĐỘI TUYỂN DỰ THI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA**  **Năm học 2018-2019** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN**

**Môn: LỊCH SỬ**

***(Hướng dẫn chấm này gồm có 05 trang)***

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1. Hướng dẫn chấm chỉ nêu những yêu cầu cơ bản về nội dung, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo chính xác, lôgíc,…tuỳ mức độ để cho điểm cho phù hợp.

2. Điểm toàn bài tính đến 0.25 điểm.

**II. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **Chứng minh: Từ những năm 70 của thế kỉ XX, xu thế hướng về Châu Á ngày càng đậm nét trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản.** | **2,5** |
| - Từ sau năm 1945, Nhật Bản chủ trương liên minh chặt chẽ với Mĩ: Ngày 8-9-1951, Hiệp ước hoà bình, Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật được kí kết … | 0,25 |
| - Từ những năm 70 và càng về sau, khi đã phát triển thành cường quốc kinh tế...chính sách đối ngoại của Nhật Bản có sự điều chỉnh: một mặt liên minh chặt chẽ với Mĩ và Tây Âu, mặt khác tìm cách trở về Châu Á và cố gắng có sự độc lập trong một số vấn đề quốc tế, khu vực. | 0, 5 |
| + Tháng 8-1977, với học thuyết Phucưđa đánh dấu một sự "trở về châu Á" của Nhật Bản  + Năm 1991, Nhật Bản đưa ra Học thuyết Kaiphu là tiếp tục phát triển Học thuyết Phucưđa trong điều kiện lịch sử mới nhằm củng cố mối quan hệ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước ĐNA.  + 21 - 9-1973, Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Từ đó mối quan hệ giữa hai nước không ngừng được củng cố tốt đẹp và hợp tác có hiệu quả.  + Với học thuyết Miyadaoa (1-1993) và học thuyết Hasimôtô (1-1997), Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu. Đồng thời, đẩy mạnh quan hệ với các nước châu Á-Thái Bình Dương.  + Quan hệ hợp tác với các nước NICs và ASEAN diễn ra trên nhiều lĩnh vực; hợp tác kinh tế không ngừng phát triển: Đầu tư FDI vào ASEAN tăng nhanh ..., viện trợ ODA dành cho Châu Á chiếm 50% tổng viện trợ ODA cho toàn thế giới (1998). | 0,5  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| - Như vây, vai trò, vị trí và ảnh hưởng của Nhật Bản ngày càng lớn trên trường quốc tế, nhất là khu vực Châu Á cả về kinh tế và chính trị. | 0,25 |
| **2** | **Những thách thức chủ yếu mà các nước đang phát triển phải đối mặt trong xu thế toàn cầu hóa là gì? Thể hiện quan điểm của anh (chị) về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia trong quá trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ hiện nay.** | **3,0** |
|  | - Phần lớn các nước đang phát triển đều có điểm xuất phát thấp về kinh tế, trình độ khoa học kĩ thuật kém phát triển, hạn chế nhiều về nguồn nhân lực chất lượng cao, …Do đó, các nước này phải đối mặt với những thách thức lớntrong xu thế toàn cầu hóa | 0,25 |
| *-* Làm gia tăng sự cạnh tranh gay gắt giữa các nền kinh tế, tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài…  - Làm trầm trọng thêm sự bất công xã hội, đào sâu hố ngăn cách giàu nghèo trong từng nước và các nước.  - Làm gia tăng nguy cơ bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống bị xói mòn trước sự “xâm lăng” của văn hóa nước ngoài.  - Nguy cơ xâm phạm nền độc lập và tự chủ của các quốc gia...  - Việc duy trì an ninh và ổn định quốc gia phức tạp hơn do nguy cơ gia tăng của tình trạng khủng bố quốc tế, …  - Nguy cơ cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và hủy hoại môi trường.  - Hoạt động của con người trở nên kém an toàn. | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| \* ***Quan điểm:****(Tôn trọng quan điểm, suy nghĩ của cá nhân học sinh; có thể trình bày nhiều cách khác nhau. Đáp án chỉ mang tính gợi mở)*  - Hội nhập quốc tế là xu thế tất yếu...  - Hội nhập tạo ra nhiều thời cơ và cũng không ít thách thức. Trong đó, thách thức lớn nhất là bảo vệ chủ quyền quốc gia (chủ quyền lãnh thổ, kinh tế, chính tri, văn hóa...). | 0,25 |
| - Để bảo vệ chủ quyền quốc gia trong thời kỳ hội nhập phải tận dụng thời cơ và đẩy lùi nguy cơ. Muốn vậy, cần:  + Hoạch định đường lối chính sách đúng đắn và hợp lí.  + Nâng cao cảnh giác, đấu tranh khôn khéo để chống lại sự áp đặt và ép buộc từ bên ngoài.  + Đề cao ý thức tự lực tự cường, phát huy nội lực dân tộc, xây dưng sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc (cả ngoại lực và nội lực) để bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh quốc gia. | 0,25  0,25  0,25 |
| **3** | **Trình bày và nhận xét về phong trào dân chủ công khai của tư sản Việt Nam từ năm 1919 đến năm 1925.** | **3,0** |
| **\* Hoạt động của tư sản Việt Nam:**  - Giai cấp tư sản ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.... bị chèn ép...  - Tẩy chay tư sản Hoa kiều, vận động người Việt dùng hàng Việt. Đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo tại Nam Kỳ của tư bản Pháp…  - Tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ thành lập Đảng Lập hiến (1923), đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ, nhưng khi được nhượng bộ một số quyền lợi họ sẵn sàng thoả hiệp. Ngoài Bắc có nhóm Nam Phong của Phạm Quỳnh cổ vũ thuyết “quân chủ lập hiến ”, nhóm Trung Bắc tân văn của Nguyễn Văn Vĩnh đề cao “trực trị ”. | 0,5  0,5  0,5 |
| *\** ***Nhận xét:***  - Về lực lượng tham gia: chủ yếu là tư sản, ngoài ra còn có một số địa chủ lớp trên.  - Về mục tiêu: chỉ chủ trương cải cách chế độ mà không chủ trương đánh đổ chế độ thực dân phong kiến. Đấu tranh chủ yếu nhằm cải thiện điều kiện làm ăn, mũi nhọn chỉ mới tập trung vào Hoa kiều hoặc 1 công ty tư bản Pháp chứ chưa dám tống công toàn bộ ách cai trị của thực dân Pháp ở Việt Nam.  - Về tính chất và hình thức: hoạt động mang tính cải lương, phục vụ cho quyền lợi của các tầng lớp trên, dễ dàng thỏa hiệp với Pháp khi được nhượng bộ một số quyền lợi nên bị phong trào quần chúng vượt qua.  - Phong trào đã chuẩn bị cho sự ra đời của các tổ chức các mạng trong những năm tiếp theo. | 0,25  0,5  0,5  0,25 |
|  |
| **4** | **Trong thời kì 1930 - 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương xác định đối tượng cách mạng như thế nào? Lí giải sự thay đổi trong việc xác định đối tượng cách mạng của Đảng giai đoạn 1939 - 1945.** | **3,0** |
| \* ***Xác định đối tượng:***  - *Giai đoạn 1930 - 1931*: Cương lĩnh chính trị đầu tiên (đầu năm 1930) xác định đối tượng cách mạng là đế quốc Pháp, phong kiến và tư sản phản cách mạng...  Luận cương chính trị (10 - 1930) xác định đối tượng của cách mạng là đế quốc Pháp và giai cấp phong kiến... | 0,5 |
| - *Giai đoạn 1936 - 1939*: Hội nghị Ban chấp hành Trung ư­ơng Đảng (7 - 1936) xác định kẻ thù cụ thể trước mắt của nhân dân Đông Dương lúc này chưa phải là thực dân Pháp nói chung, mà là thế lực phản động thuộc địa và tay sai. | 0,25 |
| *- Giai đoạn 1939* – *1945*  + Hội nghị Ban Chấp hành Trung ư­ơng Đảng lần thứ 6 (11 - 1939) xác định kẻ thù của cách mạng là đế quốc và tay sai (đế quốc phát xít và tay sai).  + Hội nghị Ban Chấp hành Trung ư­ơng Đảng lần thứ 7 (11 - 1940) và lần thứ 8 (5 - 1941) xác định kẻ thù của cách mạng là đế quốc phát xít Pháp - Nhật và tay sai.  + Chỉ thị Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta (3- 1945) xác định kẻ thù chính nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật và tay sai. | 0,25  0,25  0,25 |
| \* ***Có sự thay đổi là do:***  - Tháng 9 - 1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp tham chiến... Ở Đông Dương, Pháp tăng cường bóc lột nhân dân; đàn áp, khủng bố cách mạng, ... mâu thuẫn dân tộc trở nên hết sức gay gắt. Vì thế, kẻ thù chính, trực tiếp, trước mắt của nhân dân ta lúc này là đế quốc Pháp và tay sai.  *-* Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật kéo quân vào Đông Dương. Quân phiệt Nhật và thực dân Pháp câu kết với nhau để đàn áp, bóc lột nhân dân ta đến tận x­ương tuỷ. Mâu thuẫn giữa nhân dân ta với đế quốc phát xít Pháp - Nhật nổi lên hàng đầu....  - Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương, tăng cường vơ vét, bóc lột nhân dân và đàn áp phong trào cách mạng. Do vậy, Đảng xác định, Phát xít Nhật trở thành kẻ thù trực tiếp.  - Kết luận: *(0,25 nếu HS chưa đạt điểm tối đa của câu)* | 0,5  0,5  0,5 |
| **5** | **Khái quát bối cảnh ra đời, trình bày nội dung và nêu nhận xét kế hoạch Nava (1953) của Pháp.** | **3,0** |
| \* Bối cảnh ra đời:  - Trải qua 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược VN, Pháp thiệt hại ngày càng lớn ...  - 7/5/1953, được sự thỏa thuận của Mĩ, Pháp cửa Nava sang Đông Dương làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp. Nava đề ra kế hoạch quân sự mới (kế hoạch Nava) với hi vọng trong vòng 18 tháng giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự. | 0,25  0,25 |
| *\** ***Nội dung kế hoạch Nava:***  - Nội dung (gồm 2 bước)... | 0,5 |
| *\** ***Nhận xét:***  -Kế hoạch Nava thể hiện sự cấu kết chẽ của Pháp- Mĩ.Thông qua kế hoạch này, Mĩ can thiệp ngày càng sâu vào chiến tranh Đông Dương và muốn mở rộng, kéo dài cuộc chiến tranh Đông Dương có lợi cho Mĩ. | 0,5 |
|  | - Đây là kế hoạch toàn diện, có quy mô lớn, nên nó sẽ làm cuộc kháng chiến của ta gặp nhiều khó khăn. | 0,25 |
| - Tuy nhiên, ngay từ đầu kế hoạch Nava đã bộc lộ những nhược điểm không thể khắc phục được. Đó là:  +Bản chất của kế hoạch Nava là 1 kế hoạch tập trung binh lực (Đồng bằng Bắc bộ và Nam Đông Dương) nhằm tiến công chiến lược theo 2 bước, giành lại thế chủ động chiến lược đã mất và kết thúc chiến tranh trong danh dự trên bàn đàm phán.  + Chiến tranh xâm lược thuộc địa đòi hỏi phải phân tán binh lực để chiếm đất, giữ dân. | 0, 5  0,25 |
| - Do vậy, kế hoạch Nava mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán binh lực(đây là điểm yếu nhất của kế hoạch này); giữa thế và lực của quân Pháp với mục tiêu chiến lược mà chúng đặt ra. | 0,5 |
| **6** | **Với việc kí kết và thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, sự nghiệp cách mạng của nhân dân miền Nam Việt Nam có sự chuyển biến như thế nào? Lí giải nguyên nhân của sự chuyển biến đó.** | **3,0** |
|  | - Khái quát bối cảnh dẫn đến ký Hiệp định Giơnevơ, ý nghĩa lớn nhất.... | 0,25 |
| *\** ***Chuyển biến:***  - So sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi theo chiều hướng không có lợi cho cách mạng…  - CMNM chuyển từ chống Pháp và tay sai giành độc lập dân tộc sang chống Mỹ và tay sai để hoàn thành CMDTDCND, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.  - CMNM phải chuyển từ đấu tranh vũ trang trong kháng chiến chống Pháp sang đấu tranh chính trị hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ; rồi phát triển lên đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ, chống những chính sách khủng bố của kẻ thù.  - CMNM chuyển từ thế tiến công của chiến tranh nhân dân trong kháng chiến chống Pháp sang thế giữ gìn lực lượng, bảo tồn lực lượng cách mạng chuẩn bị cho cao trào cách mạng mới. | 0,25  0,5  0,5  0,25 |
| *\** ***Nguyên nhân của những chuyển biến đó:***  - Xuất phát từ đặc điểm tình hình đất nước sau Hiệp định Giơ-ne-vơ; ở miền Nam:  + Pháp rút quân khi chưa tiến hành hiệp thương Tổng tuyển cử...  + Mỹ phá hoại Hiệp định, vào thay chân Pháp, lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta....  - Mĩ – Diệm tăng cường dùng bạo lực khủng bố, đàn áp... | 0,25  0,5  0,5 |
| **7** | **Vì sao sau Đại thắng mùa Xuân 1975, Việt Nam cần phải hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước? Quốc hội khoá VI kì họp thứ nhất (từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976) đã có những quyết định gì về một nước Việt Nam thống nhất?** | **2,5** |
| *\** ***Vì sao…***  - Sau Đại thắng mùa Xuân 1975, Việt Nam đã thống nhất về lãnh thổ, nhưng chưa thống nhất về mặt Nhà nước…  - Nguyện vọng của nhân dân cả nước… | 0,5  0,5 |
| *\** ***Quyết định về một nước Việt Nam thống nhất***  - Quốc hội thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nước Việt Nam thống nhất.  - Quốc hội quyết định tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 2-7-1976), Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam", Quốc kì là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài "Tiến quân ca".  - Quốc hội quyết định Thủ đô là Hà Nội, thành phố Sài Gòn Gia Định đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.  - Quốc hội bầu Uỷ ban dự thảo Hiến pháp (và Hiến pháp của nước CHXHCN chính thức được Quốc hội thông qua ngày 18-12-1980).  Kết luận : Thống nhất đất nước về mặt Nhà nước sau 1975 là yêu cầu cấp thiết, là nhiệm vụ quan trọng… để phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đưa cả nước đi lên CNXH. | 0,25  0,5  0,25  0,25  0,25 |

**-----------------------HẾT---------------------**